

Bản án số: 30/2019/HNGĐ-ST

Ngày: 11-11-2019

V/v “Ly hôn, tranh chấp về
nuôi con khi ly hôn”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHIÊM HOÁ, TỈNH TUYÊN QUANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Thùy Trâm

Các hội thẩm nhân dân:

1. Bà Trần Thị Sáu

2. Ông Lý Văn Tòng

- Thư ký phiên tòa: Bà Hà Thị Vân - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Chiêm Hoá.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Chiêm Hoá tham gia phiên tòa:
Ông Nguyễn Việt Hưng - Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 11 năm 2019 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Chiêm Hoá xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 270/2019/TLST - HNGĐ ngày 02 tháng 10 năm 2019 về “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 34/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 24 tháng 10 năm 2019, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Anh Lục Văn Đ, sinh năm 1988;

Địa chỉ: Thôn ĐL, xã PT, huyện CH, tỉnh TQ (Có mặt).

2. *Bị đơn:* Chị Hà Thị Quý, sinh năm 1992;

Địa chỉ: Thôn AV, xã TA, huyện CH, tỉnh TQ (Có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. *Theo đơn khởi kiện đề ngày 25/9/2019, bản tự khai, quan điểm trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn anh Lục Văn Đ trình bày:*

1.1. Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị Hà Thị Q đi đến hôn nhân trên tinh thần tự nguyện, không bị ai lừa dối, cưỡng ép kết hôn. Ngày 11 tháng 12 năm 2014 thì anh và chị Q làm thủ tục đăng ký kết hôn tại UBND xã PT, huyện CH, tỉnh TQ, đến tháng 02 năm 2015 thì được hai gia đình tổ chức lễ cưới theo phong tục. Sau ngày

cưới hai vợ chồng về chung sống với gia đình anh tại thôn ĐL, xã PT, huyện CH, tỉnh TQ được khoảng 03 năm, đến năm 2017 anh và chị Q đi làm công nhân tại tỉnh BN. Hai vợ chồng anh chị thuê nhà trọ chung sống, cuộc sống hòa thuận đến khoảng tháng 3 năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do chị Q có quan hệ bất chính với người đàn ông khác, anh phát hiện được chị Q có những tin nhắn tình cảm không đúng mực với người đó, từ đó vợ chồng không còn tin tưởng nhau dẫn đến tình cảm vợ chồng phai nhạt, thường xuyên xảy ra cãi vã, xô xát; cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc. Khi phát sinh mâu thuẫn anh chị vẫn ở chung phòng trọ nhưng việc ai người ấy làm, không có quan hệ về tình cảm và kinh tế với nhau nữa. Hiện tại anh xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị Hà Thị Q.

1.2. Về con chung: Quá trình chung sống, anh chị có sinh được một con chung tên là Lục Nhã Đ, sinh ngày 06/01/2015. Hiện cháu Đ đang ở với anh và ông bà nội tại xã PT, huyện CH, tỉnh TQ. Anh Đ xác định hiện tại anh làm công nhân, mức lương trung bình khoảng từ tám đến mười triệu đồng một tháng; anh có thuê nhà tại tỉnh BN; mặt khác kể từ khi sinh ra đến nay, cháu Đ vẫn ở cùng anh, cháu quen với sự chăm sóc của bố và ông bà nội. Kể cả trong thời gian anh và chị Q đi làm công nhân ở tỉnh BN thì cháu Đ vẫn ở cùng ông bà nội, anh chị thỉnh thoảng mới về thăm con. Trong thời gian ông bà nội chăm sóc, cháu Đ khỏe mạnh, không đau ốm, phát triển bình thường. Còn chị Q hiện tại không có chỗ ở mà phải ở nhờ nhà mẹ đẻ là bà Hà Thị O và vợ chồng chị gái; bà O còn phải trông hai con nhỏ của chị gái chị Q; chị Q không có công việc ổn định mà chỉ ở nhà phụ giúp mẹ đẻ làm ruộng. Do vậy, chị Q không thể đảm bảo điều kiện để trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Đ. Anh đề nghị Tòa án giao cháu Đ cho anh được trực tiếp nuôi dưỡng. Anh không yêu cầu chị Q cấp dưỡng.

1.3. Về tài sản, đất đai, công nợ chung: Không yêu cầu giải quyết.

1.4. Về án phí: Đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

2. Tại bản tự khai, quan điểm trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa bị đơn chị Hà Thị Q trình bày:

2.1. Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Lục Văn Đ đăng ký kết hôn vào ngày 11/12/2014 tại UBND xã PT, huyện CH, tỉnh TQ trên tinh thần tự nguyện, không bị lừa dối, cưỡng ép kết hôn. Đến tháng 02 năm 2015 thì được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới theo phong tục. Sau ngày cưới, anh chị về chung sống cùng gia đình nhà chồng tại thôn ĐL, xã PT, huyện CH, tỉnh TQ được khoảng 03 năm đến năm 2017 thì đi làm công nhân tại tỉnh BN. Chị và anh Đ làm cùng một khu công nghiệp nhưng khác công ty; hai vợ chồng vẫn sống cùng một nhà trọ với nhau. Thời gian đầu đi làm vợ chồng vẫn chung sống hòa thuận, hạnh phúc đến tháng 02 năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm trong cuộc sống, đặc biệt là trong việc quản lý thu nhập, chi tiêu sinh hoạt trong gia đình, bản thân anh Đ không công khai tài chính, thu nhập dẫn đến nhiều lần vợ chồng cãi nhau, tình cảm dần xa cách. Ngoài ra còn do anh Đ nghi ngờ chị có quan hệ bất chính với người đàn ông khác nên vợ chồng mất niềm tin, hay cãi vã, xô xát. Từ khi phát sinh mâu thuẫn thì cuộc sống vợ chồng không còn hòa hợp, hạnh phúc và đã chính thức sống ly thân từ tháng 9 năm 2019 đến nay. Hiện tại chị xác định tình cảm

vợ chồng đối với anh Đ không còn, cuộc sống hôn nhân không còn hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được chỉ nhất trí ly hôn với anh Lục Văn Đ.

2.2. Về con chung: Quá trình chung sống, anh chị có sinh được 01 con chung tên là Lục Nhã Đ, sinh ngày 06/01/2015. Hiện nay cháu Đ đang ở với anh Định. Chị Q có quan điểm đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Đ và không có yêu cầu cấp dưỡng. Chị Q xác định, trước đây chị có làm công nhân nhưng chị mới xin nghỉ về để có điều kiện trực tiếp nuôi con; hiện tại chị ở cùng mẹ chị là Hà Thị O và vợ chồng chị gái tại xã A, huyện CH, tỉnh TQ. Tuy không có công việc ổn định nhưng chị có làm ruộng và chăn nuôi nên vẫn đảm bảo việc nuôi con. Trước mắt nếu Tòa giao cho chị được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Đ, chị sẽ đón cháu về ở nhà mẹ và ở nhà chăm sóc cháu. Đến khi cháu Đ quen với môi trường mới, chị sẽ gửi cho mẹ chị trông nom, chăm sóc cháu và đi làm công nhân để có thu nhập ổn định nuôi con.

2.3. Về tài sản, đất đai, công nợ chung: Không yêu cầu giải quyết.

2.4. Về án phí: Đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

- Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán và Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của nguyên đơn trong quá trình giải quyết vụ án đều đảm bảo đúng quy định. Về việc giải quyết vụ án, đại diện Viện kiểm sát đề nghị: Áp dụng Điều 51, 53, khoản 1 Điều 56, các Điều 57, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, các Điều 143, 144, 147, 227 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về *mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án*:

* Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn*” của anh Lục Văn Đ:

- Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh Lục Văn Đ và chị Hà Thị Q.

- Về con chung: Giao cháu Lục Nhã Đ, sinh ngày 06/01/2015 cho anh Lục Văn Đ trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Chị Hà Thị Q không phải cấp dưỡng nuôi con chung và có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

- Về tài sản, đất đai và công nợ chung: Anh Lục Văn Đ và chị Hà Thị Q không đề nghị Tòa án giải quyết, do vậy không xem xét.

- Về án phí và quyền kháng cáo: Anh Lục Văn Đ phải chịu án phí dân sự sơ thẩm (trong vụ án ly hôn) theo quy định. Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về pháp luật tố tụng.

Anh Lục Văn Đ khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân huyện CH, tỉnh TQ giải quyết cho anh ly hôn với chị Hà Thị Q, đồng thời giao quyền nuôi con khi ly hôn; Chị Hà Thị Q có hộ khẩu thường trú tại thôn AV, xã TA, huyện CH, tỉnh TQ. Căn cứ theo khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì đây là tranh chấp hôn nhân gia đình về *“Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn”* và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Chiêm Hóa.

[2] Về việc xem xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

[2.1] Về quan hệ hôn nhân:

Anh Lục Văn Đ và chị Hà Thị Q có đủ điều kiện kết hôn theo quy định tại Điều 8 của Luật hôn nhân và gia đình; có đăng ký kết hôn vào ngày 11/12/2014 tại UBND xã PT, huyện CH, tỉnh TQ nên được xác định là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống, anh Đ chị Q đã phát sinh mâu thuẫn. Tuy các đương sự khai không thống nhất về nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn, thời điểm phát sinh mâu thuẫn nhưng cả hai đương sự đều xác định đến nay cuộc sống chung của vợ chồng thực tế đã không tồn tại; mâu thuẫn không thể hàn gắn, cả hai đều đã không còn quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; không cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình nên không thể tồn tại một gia đình hạnh phúc, tiến bộ, mục đích hôn nhân không đạt được nên cả hai đều thuận tình ly hôn. Vì vậy, HĐXX cần công nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh Đ và chị Q là phù hợp với quy định tại Điều 55 Luật Hôn nhân và gia đình.

[2.2] Về con chung: Quá trình chung sống, vợ chồng anh Đ chị Q sinh được 01 người con chung, tên là Lục Nhã Đ, sinh ngày 06/01/2015. Cả hai đương sự đều đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Đ và không có yêu cầu cấp dưỡng. Tại khoản 2 Điều 81 của Luật hôn nhân gia đình quy định: *“Vợ, chồng thỏa thuận về người trực tiếp nuôi con, nghĩa vụ, quyền của mỗi bên sau khi ly hôn đối với con; trường hợp không thỏa thuận được thì Tòa án quyết định giao con cho một bên trực tiếp nuôi căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của con; ...”*. HĐXX thấy rằng, nguyện vọng được trực tiếp nuôi con chung của cả hai đương sự đều chính đáng. Do vậy, cần đánh giá, so sánh điều kiện trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con của cả hai bên đương sự, để quyết định người trực tiếp nuôi dưỡng cháu Đ, nhằm đảm bảo sự phát triển toàn diện và quyền lợi mọi mặt của cháu. Theo kết quả xác minh tại xã TA, huyện CH, tỉnh TQ thì chị Q có hộ khẩu thường trú tại hộ bà Hà Thị O (mẹ đẻ của chị Q) là gia đình thuộc diện hộ cận nghèo của xã TA. Hiện chị Q đang ở nhờ tại nhà bà O; gia đình bà O có 05 nhân khẩu gồm bà O, chị Hà Thị Q, anh Linh Văn C và hai con chung của chị Q và anh C. Cũng theo UBND xã TA cung cấp thì mức thu nhập bình quân trên đầu người của cá nhân thuộc hộ cận nghèo tại xã TA là 1.000.000 đồng/ người/ tháng (biên bản xác minh ngày 22/10/2019). Bản thân chị Q chưa có công việc ổn định. Do vậy, điều kiện về chỗ ở và kinh tế chưa đảm bảo cho việc nuôi con. Còn anh Lục Văn Đ đang làm công nhân tại công ty TNHH TT theo hợp đồng lao động không xác định thời hạn từ ngày 01/3/2019 với mức lương dao động từ 8.100.000 đồng đến 10.100.000 đồng. Anh Định thuê nhà tại thôn ĐS, xã HS, huyện TD, tỉnh BN. Các đương sự đều thừa nhận, kể từ khi sinh ra đến nay, cháu Đ vẫn ở cùng bố mẹ anh Đ, kể cả khi anh Đ, chị Q đi làm công nhân

tại tỉnh BN nên cháu Đ đã quen với sự chăm sóc của bố và ông bà nội. Do vậy, điều kiện về chỗ ở, kinh tế và thuê người chăm sóc của anh Lục Văn Đ hoàn toàn đảm bảo để trực tiếp nuôi dưỡng cháu Đ. Để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt và sự phát triển toàn diện của cháu Đ, cần chấp nhận yêu cầu của anh Đ là giao cháu Lục Nhã Đ, sinh ngày 06/01/2015 cho anh Lục Văn Đ trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục là phù hợp quy định tại Điều 81 Luật hôn nhân gia đình. Chị Q không phải cấp dưỡng nuôi con chung và có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Trường hợp có sự thay đổi về điều kiện trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục ảnh hưởng đến quyền lợi về mọi mặt của con và các bên đương sự có yêu cầu thì Tòa án sẽ xem xét giải quyết bằng một vụ án khác theo quy định của pháp luật.

[2.3] *Về tài sản, đất đai, công nợ chung:* Anh Lục Văn Đ và chị Hà Thị Q tự thỏa thuận về tài sản, đất đai, công nợ chung, không đề nghị Tòa án giải quyết. Do vậy, HĐXX không xem xét.

[3] *Về án phí và quyền kháng cáo:* Anh Lục Văn Đ phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm; các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39, 143, 147, 235, 266, 271 và 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 51, 53, 55, 57, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội *quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;*

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn” của anh Lục Văn Đ.

1. Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh Lục Văn Đ và chị Hà Thị Q. Quan hệ hôn nhân giữa anh Đ và chị Q chấm dứt kể từ ngày bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật.

2. Về con chung: Giao cháu Lục Nhã Đ, sinh ngày 06/01/2015 cho anh Lục Văn Đ trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Chị Hà Thị Q không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

3. Về án phí ly hôn sơ thẩm: Anh Lục Văn Đ phải nộp 300.000 đồng (Ba trăm

nghìn đồng), được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) theo biên lai số AA/2018/0001294, ngày 02 tháng 10 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Chiêm Hóa. Chị Hà Thị Q không phải nộp án phí.

4. Về quyền kháng cáo: Anh Lục Văn Đ và chị Hà Thị Q được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Thị Sáu

-

Lý Văn Tòng

Phạm Thị Thùy Trâm

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Chiêm Hóa;
- UBND xã PT; huyện CH, tỉnh TQ ;
- Chi cục THADS huyện Chiêm Hóa;
- TAND tỉnh Tuyên Quang;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Thị Thùy Trâm

